

履歴書を開示請求する場合の記載上の注意

〈様式第 1 号〉 開示請求書

保有個人情報開示請求書

Vui lòng ghi rõ ngày lập văn bản này, tránh bỏ sót.

外国人技能実習機構理事長 殿

Vui lòng ghi họ tên chính xác như trên thẻ lưu trú của bạn.

令和〇年〇〇月〇〇日

Vui lòng ghi địa chỉ và thông tin liên lạc tại Nhật Bản (số điện thoại) của bạn. Địa chỉ phải ghi chính xác như trong giấy đăng ký cư trú. Nếu không có số điện thoại, vui lòng ghi địa chỉ email. Trường hợp cư trú ở nước ngoài và có người yêu cầu thay, vui lòng ghi họ tên, địa chỉ và thông tin liên lạc (số điện thoại hoặc email) của người đó.

(ふりがな)
氏 名 : _____
住所又は居所 : _____
連絡先 : _____

法律（平成 1 5 年法律第 5 7 号）第 7 7 条第 1 項の規定に基づき、下記開示を請求します。

Vui lòng ghi tên công ty đầu tiên bạn làm việc sau khi đến Nhật Bản.

記

1 開示を請求する保有個人情報（請求する文書が特定できるよう、できるだけ具体的に記載してください。）

〇〇年〇月頃、〇〇〇〇〇から機構に提出された技能実習計画認定請求書一式に添付されている私の履歴書

2 求める開示の実施方法等（本欄の記載は任意です。）

Nếu bạn muốn gửi hồ sơ lý lịch về nhà bằng đường bưu điện, vui lòng khoanh tròn mục “イ”.

ア又はイに〇印を付してください。アを選択された場合は、この具体的な方法等を記載してください。

ア 事務所における開示の実施を希望する。
＜実施の方法＞ ① 閲覧 ② 写しの交付 ③ その他（ ）
＜実施の希望日＞ _____
イ 写しの送付を希望する。

Không thể nộp lệ phí bằng tem thuế.

3 手数料

開示請求手数料 (1 件 300 円)	払込方法（どれか一つを選択してください） ☐ 現金 ☐ 現金書留 ☐ 定額小為替証書 ☐ 銀行振込	（受付印）
------------------------	---	-------

Tại mục "ア Người yêu cầu cung cấp", nếu bạn tự yêu cầu, hãy đánh dấu "Bản thân". Nếu bạn bè hoặc người quen yêu cầu thay cho bạn, vui lòng đánh dấu "Người đại diện tự nguyện". Vui lòng ghi thêm thông tin tại mục "ウ" và "オ".

4 本人確認書類等

ア 開示請求者	☐ 本人	☐ 法定代理人	☐ 任意代理人
イ 請求者本人確認書類	☐ 運転免許証 ☐ 健康保険被保険者証 ☐ 在留カード又は特別永住者証明証 ☐ 個人番号カード又は住民基本台帳カード ☐ その他（ ） ※請求書を送付して請求をする場合は、加えて住民票の写しを添付してください。		
ウ 本人の状況等（法定代理人又は任意代理人が請求する場合にのみ記載してください。）	1) 本人の状況 ☐ 未成年者（ 年 月 日生） ☐ 成年被後見人 ☐ 任意代理人委任者（ふりがな） 2) 本人の氏名 _____ 3) 本人の住所又は居所 _____		
エ 法定代理人が請求する場合、次のいずれかの書類を提示又は提出してください。	請求資格確認書類 ☐ 戸籍謄本 ☐ 登記事項証明書 ☐ その他（ ）		
オ 任意代理人が請求する場合、次の書類を提出してください。	請求資格確認書類 ☐ 委任状		